

MS. CHI ENGLISH

Name: _____

Date: .../.../2022

Class: L3

Tel: 038 255 2594

GLOBAL STAGE 3

UNIT 6: THAT LOOKS GOOD – VOCABULARY 1

A. VOCABULARY

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	cut up (phr.v)	cắt, thái	7	sink (n)	bồn rửa
2	fresh (adj)	tươi sống	8	stove (n)	bếp, lò nướng
3	fridge (n)	tủ lạnh	9	throw out (phr.v)	vứt, ném
4	fry (v)	rán, chiên	10	trash can (n)	thùng rác
5	grill (v)	nướng (vi)	11	mix (v)	trộn, đảo, khuấy
6	microwave (n)	lò vi sóng	12	peel (v)	bóc, lột vỏ

***Note:** n (noun): danh từ ; v (verb): động từ ;

adj (adjective): tính từ ; phr.v (phrasal verb): cụm động từ

***Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 dòng vào vở ghi.**

B. HOMEWORK

I. Find the correct word for each picture. (Điền từ đúng dưới mỗi hình)



0. microwave



1. c ____ u ____



2. s ____



3. t ____ c ____



4. p ____
l



5. s ____

II. Find the hidden words. (Tìm từ bị ẩn)

0. lchirp	→ <u>chirp</u>	3. mixturo	→ _____
1. grilleoa	→ _____	4. wpofluteq	→ _____
2. appeel	→ _____	5. pfrys	→ _____

III. Unscramble. (Sắp xếp chữ cái)

0. ircoMvewa	→ <u>Microwave</u>	3. pyXloneoh	→ _____
1. erFhs	→ _____	4. eFrgid	→ _____
2. rahOstrce	→ _____	5. etSvo	→ _____

IV. Choose a suitable phrase in the box to fill in each blank. (Chọn cụm từ thích hợp trong hộp để điền vào chỗ trống)

fridge	fresh	fry	trash can	cut up	peels
--------	-------	----------------	-----------	--------	-------

0. We want to fry chicken for dinner.
1. He always _____ his apple before eating it.
2. There's no food in the _____!
3. You should throw the trash into the _____.
4. Is this milk _____?
5. I _____ the meat on his plate.

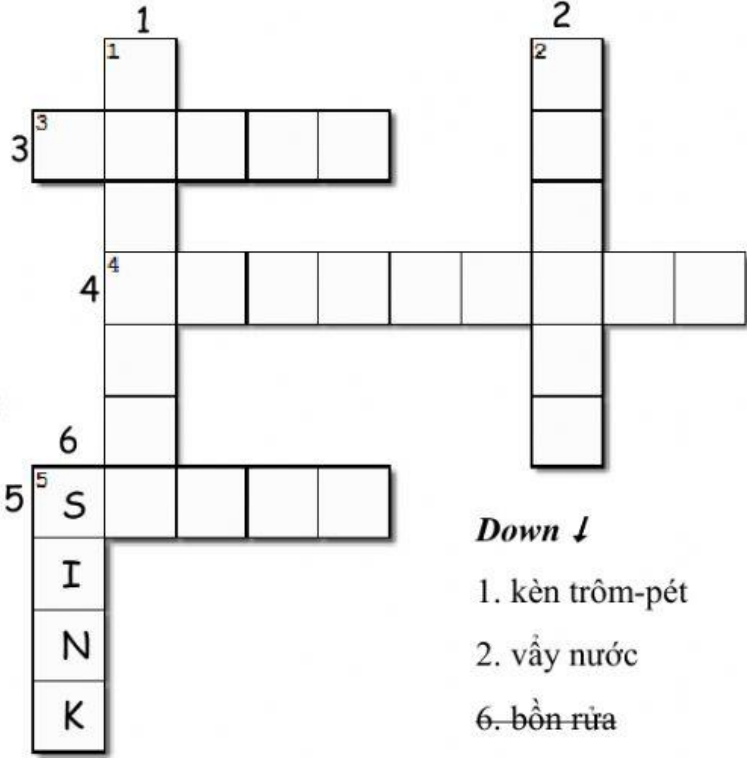
V. Make a sentence with each given word. (Đặt câu với từ cho sẵn)

0. (piano) → My mother can play the piano well.
1. (fridge) → _____.
2. (mix) → _____.
3. (fresh) → _____.
4. (peel) → _____.
5. (whisper) → _____.

VI. Complete the crossword. (Hoàn thành ô chữ)

Across →

- 3. nướng (vì)
- 4. lò vi sóng
- 5. bếp, lò nướng



Down ↓

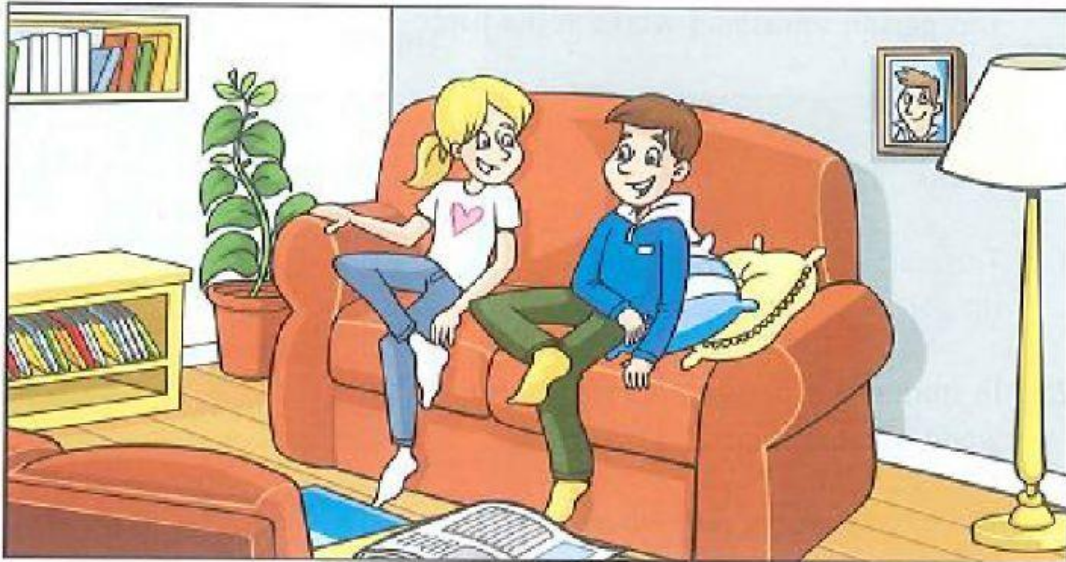
- 1. kèn trôm-pét
- 2. vẩy nước
- 6. bồn rửa

Part 2

– 6 questions –

Movers 2 – Test 2 – Part 2

Read the text and choose the best answer.



Example

Charlie:

What did you do last night, Daisy?

Daisy:

- ☒ A I watched a film.
- ☐ B I don't watch films.
- ☐ C I love watching films.

Questions

1 Charlie:

Last week, I watched a film about aliens.
Did you see it, too?

Daisy:

- ☐ A Yes, so do I!
- ☐ B Yes, it was really great!
- ☐ C Yes, it's tonight.

- 2 Charlie:** Which alien did you like best in the film?
- Daisy:**
- A One of the aliens.
 - B He was my favourite one.
 - C The one with the orange eyes.
- 3 Charlie:** Do you like watching funny films?
- Daisy:**
- A Me too.
 - B They're OK.
 - C You're all right.
- 4 Charlie:** How about coming to my house to watch *Happy Families* on TV?
- Daisy:**
- A Would you like to?
 - B I think you're well.
 - C That's a good idea.
- 5 Charlie:** Ben Brown's in the film. Do you know him?
- Daisy:**
- A Yes, he's got a beard.
 - B Yes, he's called Ben.
 - C No, he doesn't.
- 6 Charlie:** Shall I get some drinks for us?
- Daisy:**
- A OK, and I can buy chocolate.
 - B OK, it's here.
 - C OK, I can help him.